BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2025/TT-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành văn hóa, thể thao và du lịch

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu

1. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành văn hóa, thể thao và du lịch được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Việc áp dụng các quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu tại Phụ lục kèm theo Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Thời hạn lưu trữ dùng để xác định thời hạn lưu trữ cho các hồ sơ, tài liệu ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

b) Mức xác định thời hạn lưu trữ không được thấp hơn mức thời hạn lưu trữ được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

c) Đối với hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức và các cá nhân chưa được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này, cơ quan, tổ chức và các cá nhân áp dụng thời hạn lưu trữ tương đương với nhóm hồ sơ, tài liệu tương ứng có trong Phụ lục kèm theo Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan để xác định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Văn hóa và Thể thao; Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Văn phòng Bộ) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục
THỜI HẠN LƯU TRỮ HỒ SƠ, TÀI LIỆU
NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2025/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
A. Nhóm hồ sơ, tài liệu chung ngành văn hóa, thể thao và du lịch		
1	Hồ sơ xây dựng, ban hành, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và chương trình, dự án, công trình quan trọng quốc gia thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch	Vĩnh viễn
2	Hồ sơ thẩm định phê duyệt phương án, dự án, chương trình thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch	Vĩnh viễn
3	Kế hoạch thực hiện các đề án, dự án, chương trình thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch	Vĩnh viễn
4	Hồ sơ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dự toán xây dựng chuyên ngành văn hóa, thể thao và du lịch	Vĩnh viễn
5	Văn kiện thỏa thuận hợp tác quốc tế ngành văn hoá, thể thao và du lịch	Vĩnh viễn
6	Hồ sơ về đàm phán, ký kết, phê duyệt, tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế ngành văn hóa, thể thao và du lịch	Vĩnh viễn
7	Hồ sơ trao đổi hợp tác quốc tế ngành văn hóa, thể thao và du lịch	20 năm
8	Hồ sơ hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, công trình quan trọng quốc gia đã được phê duyệt và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ngành văn hóa, thể thao và du lịch	20 năm
9	Hồ sơ cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	20 năm
10	Hồ sơ tổ chức tổng kết, sơ kết các lĩnh vực thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch:	
	- Tổng kết năm, giai đoạn	Vĩnh viễn
	- Sơ kết	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
11	Hồ sơ hội nghị, hội thảo các lĩnh vực thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch:	
	- Phạm vi toàn quốc	20 năm
	- Phạm vi từng cơ quan	05 năm
12	Hồ sơ xây dựng và quản lý các dữ liệu, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch	20 năm
13	Hồ sơ xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp hoạt động giữa các Bộ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ với các cơ quan, tổ chức ngoài Bộ	20 năm
14	Hồ sơ về truyền thông, tuyên truyền các lĩnh vực thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch	10 năm
15	Hồ sơ cấp phép, thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm các lĩnh vực thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch nhằm mục đích kinh doanh/ không nhằm mục đích kinh doanh	10 năm
16	Hồ sơ xuất bản tạp chí, đặc san, tài liệu chuyên ngành văn hóa, thể thao và du lịch	10 năm
17	Hồ sơ tập huấn, trao đổi công tác chuyên môn, nghiệp vụ các lĩnh vực thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch	10 năm
B. Nhóm hồ sơ, tài liệu các lĩnh vực thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch		
I. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực di sản văn hóa		
18	Hồ sơ di sản văn hóa trong các danh sách của UNESCO (công nhận/huỷ bỏ công nhận, ghi danh/huỷ bỏ ghi danh)	Vĩnh viễn
19	Hồ sơ công nhận/huỷ bỏ công nhận bảo vật quốc gia; xếp hạng/huỷ bỏ xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt	Vĩnh viễn
20	Hồ sơ di sản văn hoá trong các danh sách quốc gia (xếp hạng/huỷ bỏ xếp hạng, ghi danh/huỷ bỏ ghi danh)	Vĩnh viễn
21	Hồ sơ quy hoạch, thiết kế, tu bổ, tôn tạo di tích	Vĩnh viễn
22	Hồ sơ chuyên ngành di sản văn hoá (làng cổ, các điều ước, hướng dẫn quốc tế mà Việt Nam tham gia là quốc gia thành viên…)	Vĩnh viễn
23	Hồ sơ khảo cổ (quyết định/huỷ bỏ quyết định/báo cáo…)	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
24	Hồ sơ di sản văn hoá trong danh sách cấp tỉnh/thành phố (xếp hạng/huỷ bỏ xếp hạng, ghi danh/huỷ bỏ ghi danh)	Vĩnh viễn
25	Hồ sơ di sản văn hoá trong các danh mục kiểm kê	Vĩnh viễn
26	Hồ sơ xin phép đưa di sản văn hoá ra nước ngoài để nghiên cứu, trưng bày, bảo quản hoặc đưa về nước	20 năm
27	Hồ sơ về tổ chức hoạt động của bảo tàng	20 năm
28	Hồ sơ cấp phép, cấp chứng chỉ về chuyên môn nghiệp vụ trong ngành di sản văn hoá (cấp/cấp lại)	20 năm
29	Hồ sơ các cuộc liên hoan, triển lãm, trưng bày, cuộc thi về di sản văn hoá	10 năm
30	Hồ sơ lưu niệm danh nhân, đặt tên đường phố, thành phố sáng tạo	10 năm
31	Hồ sơ di sản văn hoá hạn chế sử dụng, khai thác	10 năm
II. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực điện ảnh		
32	Hồ sơ cấp, thu hồi Quyết định sản xuất phim truyện, phim kết hợp nhiều loại hình sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định sản xuất phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình sử dụng ngân sách nhà nước	50 năm
33	Hồ sơ cấp, thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim truyện, phim kết hợp nhiều loại hình sử dụng bối cảnh tại Việt Nam; Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình sử dụng bối cảnh tại Việt Nam	50 năm
34	Hồ sơ xây dựng Kế hoạch sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước	50 năm
35	Video, clip, trailer Liên hoan Phim Việt Nam và Liên hoan Phim quốc tế Hà Nội	20 năm
36	Hồ sơ cấp, thu hồi Giấy phép phân loại phim; Quyết định không cho phép phổ biến phim và Quyết định dừng phổ biến phim	20 năm
37	Hồ sơ cấp, thu hồi Giấy phép phân loại phim đối với phim của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chưa đủ điều kiện phân loại phim phổ biến trên không gian mạng	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
38	Hồ sơ đề nghị công nhận đủ điều kiện phân loại phim phổ biến trên không gian mạng	20 năm
39	Hồ sơ cấp, thu hồi Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim và cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim tại Việt Nam do tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài, cơ quan ngoại giao, cơ sở văn hóa nước ngoài tổ chức	10 năm
40	Hồ sơ tổ chức Liên hoan phim quốc gia và Liên hoan phim quốc tế tại Việt Nam	10 năm
41	Hồ sơ tổ chức chương trình phim, tuần phim Việt Nam tại nước ngoài	10 năm
42	Hồ sơ tiếp nhận thông báo về kế hoạch tổ chức và kết quả thực hiện liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim, chương trình phim và tuần phim của các cơ quan, tổ chức Việt Nam	10 năm
43	Hồ sơ tiếp nhận thông báo danh sách phim sẽ phổ biến và kết quả phân loại phim trên không gian mạng	10 năm
III. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn		
44	Hồ sơ tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc và quốc tế	Vĩnh viễn
45	Hồ sơ tổ chức biểu diễn nghệ thuật	10 năm
46	Hồ sơ tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn	10 năm
47	Hồ sơ tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	10 năm
48	Hồ sơ dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật, thu hồi danh hiệu, giải thưởng, hủy kết quả cuộc thi, liên hoan được tổ chức tại Việt Nam	10 năm
49	Hồ sơ dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài	10 năm
50	Hồ sơ lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại	10 năm
IV. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm		
51	Hồ sơ thẩm định, cấp phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
52	Văn bản liên quan đến thỏa thuận kiện toàn Hội đồng nghệ thuật công trình tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng	10 năm
53	Hồ sơ các cuộc thi, liên hoan, triển lãm (Phát động, chấm duyệt, trao giải, ấn hành tài liệu, triển lãm)	20 năm
54	Hồ sơ thẩm định, cấp phép lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	10 năm
55	Hồ sơ cấp phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	10 năm
56	Hồ sơ thủ tục thông báo tổ chức vận động sáng tác, trại sáng tác, thi, liên hoan, triển lãm lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	05 năm
V. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực văn hóa cơ sở		
57	Hồ sơ tổ chức hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động khu vực và toàn quốc phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Đảng và Nhà nước	20 năm
58	Hồ sơ tổ chức các hoạt động hội thi, hội diễn, liên hoan về lĩnh vực văn nghệ quần chúng	10 năm
59	Hồ sơ xây dựng đời sống văn hoá	10 năm
60	Hồ sơ xây dựng các mô hình giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống	10 năm
61	Hồ sơ Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"	10 năm
62	Hồ sơ quản lý và sử dụng pháo hoa	10 năm
63	Hồ sơ thẩm định Ngày truyền thống	10 năm
64	Hồ sơ thẩm định sản phẩm quảng cáo	10 năm
65	Hồ sơ tổ chức thi tranh cổ động tuyên truyền các ngày lễ lớn (Phát động, chấm duyệt, trao giải, ấn hành tài liệu, triển lãm)	10 năm
66	Hồ sơ cụm cổ động tuyên truyền biên giới	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
VI. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực gia đình		
67	Hồ sơ về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình	20 năm
68	Hồ sơ hướng dẫn, tổ chức các hoạt động kỷ niệm về gia đình, tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình	10 năm
69	Hồ sơ xây dựng, hướng dẫn nhân rộng mô hình gia đình hạnh phúc và phát triển bền vững. Xây dựng và cung cấp kiến thức, kỹ năng xây dựng và tổ chức cuộc sống gia đình; giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ gắn với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển	10 năm
70	Hồ sơ thực hiện các giải pháp bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong gia đình; chăm sóc và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình; thực hiện bình đẳng trong gia đình	05 năm
VII. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực thư viện		
71	Hồ sơ xây dựng cơ chế chính sách huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển sự nghiệp thư viện và văn hóa đọc	50 năm
72	Hồ sơ trả lời về thông báo, thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện; có ý kiến đối với việc xác định thư viện có vai trò quan trọng được Nhà nước ưu tiên đầu tư	20 năm
73	Hồ sơ tổ chức và trao Giải thưởng Phát triển văn hóa đọc	20 năm
74	Hồ sơ hướng dẫn Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương trong hệ thống thư viện	20 năm
75	Hồ sơ xây dựng, phát triển mạng lưới, mô hình thư viện cơ sở và phát triển văn hóa đọc	10 năm
76	Hồ sơ các cuộc thi, liên hoan, triển lãm trưng bày, tuyên truyền giới thiệu sách	10 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
VIII. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực văn hóa dân tộc		
77	Hồ sơ thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc	20 năm
78	Hồ sơ tổ chức thực hiện ngày hội, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc theo khu vực và toàn quốc	20 năm
79	Hồ sơ xây dựng các chính sách về bảo tồn, phát huy, phát triển các giá trị văn hóa tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam	20 năm
IX. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực thể dục thể thao		
80	Hồ sơ, tài liệu Đại hội Thể thao:	
	- Đại hội Thể thao Thế giới; Đại hội Thể thao Châu Á; Đại hội Thể thao Đông Nam Á; Đại hội Thể thao cho người khuyết tật cấp khu vực, châu lục và thế giới.	Vĩnh viễn
	- Đại hội Thể thao toàn quốc	20 năm
	- Đại hội Thể thao các cấp chính quyền địa phương; Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc	10 năm
81	Hồ sơ, tài liệu về quy định quản lý việc chuyển nhượng vận động viên	10 năm
82	Hồ sơ, tài liệu chương trình phát triển thể dục thể thao cấp xã (phường, thị trấn…)	20 năm
83	Hồ sơ, tài liệu xây dựng kế hoạch, đào tạo đội ngũ huấn luyện viên:	
	- Năm, nhiều năm	10 năm
	- Quý, 6 tháng, 9 tháng	05 năm
84	Hồ sơ, tài liệu các giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm đối với các môn thể thao:	
	- Giải vô địch, vô địch trẻ cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam	10 năm
	- Giải vô địch, vô địch trẻ quốc gia hàng năm; các cấp chính quyền địa phương	05 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
85	Hồ sơ, tài liệu tổ chức các giải thi đấu thể thao quần chúng, thể thao dân tộc, thể thao người khuyết tật, thể thao giải trí từng môn:	
	- Giải vô địch, vô địch trẻ cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam	10 năm
	- Giải vô địch, vô địch trẻ quốc gia, cấp tỉnh hàng năm; Hội thi; Ngày hội; Giải thi đấu thể thao quần chúng	05 năm
	- Giải vô địch, vô địch trẻ thể thao người khuyết tật cấp tỉnh hàng năm; Hội thi, Ngày hội thể thao người khuyết tật; Giải thi đấu thể thao quần chúng người khuyết tật	05 năm
86	Hồ sơ, tài liệu xây dựng ban hành tiêu chuẩn và hướng dẫn phong cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao	Đến khi văn bản hết hiệu lực hoặc bị thay thế
87	Hồ sơ, tài liệu xây dựng ban hành quy chế tuyển chọn vận động viên, huấn luyện viên vào các đội tuyển thể thao quốc gia; quy định trình tự, thủ tục thành lập đoàn thể thao quốc gia và đội thể thao quốc gia từng môn để tập huấn và thi đấu quốc tế	Đến khi văn bản hết hiệu lực hoặc bị thay thế
88	Hồ sơ, tài liệu hướng dẫn, áp dụng và phát triển các môn thể thao dân tộc, các môn thể thao giải trí, các phương pháp rèn luyện sức khỏe truyền thống ở trong và ngoài nước	Đến khi văn bản hết hiệu lực hoặc bị thay thế
89	Hồ sơ, tài liệu xây dựng quy định về trình tự, thủ tục thành lập đoàn thể thao quốc gia, đội thể thao quốc gia của các môn thể thao người khuyết tật	Đến khi văn bản hết hiệu lực hoặc bị thay thế
X. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực du lịch		
90	Hồ sơ xúc tiến du lịch các thị trường trong và ngoài nước (tham gia, tổ chức các hội chợ du lịch trong và ngoài nước)	Vĩnh viễn
91	Hồ sơ tổ chức Năm du lịch Quốc gia	Vĩnh viễn
92	Hồ sơ về việc công nhận khu du lịch và điểm du lịch tại địa phương	Vĩnh viễn

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
93	Hồ sơ đề nghị thẩm định, công nhận khu du lịch quốc gia:	
	- Được công nhận	Vĩnh viễn
	- Không được công nhận	05 năm
94	Hồ sơ thẩm định, công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch	10 năm
95	Hồ sơ tổ chức Giải thưởng du lịch Việt Nam hàng năm	10 năm
96	Hồ sơ tổ chức Giải thưởng du lịch ASEAN hàng năm	10 năm
97	Hồ sơ thẩm định cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép Kinh doanh Lữ hành quốc tế, nội địa	05 năm kể từ khi doanh nghiệp kết thúc hoạt động
98	Hồ sơ thẩm định cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 năm kể từ khi Văn phòng kết thúc hoạt động
99	Hồ sơ công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí và thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	05 năm kể từ khi cơ sở kết thúc hoạt động
XI. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực bản quyền tác giả		
100	Hồ sơ đăng ký quyền tác giả	Vĩnh viễn
101	Hồ sơ gia nhập thành viên các hiệp hội, gia nhập các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực bản quyền tác giả	Vĩnh viễn
102	Hồ sơ đăng ký quyền liên quan đến quyền tác giả	50 năm
103	Hồ sơ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan	05 năm
104	Hồ sơ chấp thuận sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan	05 năm
105	Hồ sơ chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan	05 năm
106	Hồ sơ chấp thuận cho tổ chức phi lợi nhuận có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo,	05 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
	đọc thích nghi và tiếp cận thông tin thực hiện quyền sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác phẩm dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận của tác phẩm	
107	Hồ sơ chấp thuận việc khai thác, sử dụng quyền dịch các tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại	05 năm
108	Hồ sơ chấp thuận việc khai thác, sử dụng quyền sao chép để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại	05 năm
XII. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực báo chí		
109	Hồ sơ cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí in, báo chí điện tử, đình bản tạm thời hoạt động xuất bản của cơ quan báo chí in, báo chí điện tử, giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí	Vĩnh viễn
110	Hồ sơ cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo đối với các đối tượng hoạt động báo chí trong lĩnh vực báo in, báo điện tử	10 năm kể từ khi thẻ hết hiệu lực
111	Hồ sơ quản lý, kiểm tra báo chí lưu chiểu đối với báo in, báo điện tử	02 năm
XIII. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử		
112	Hồ sơ cấp mới, cấp đổi, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình	Vĩnh viễn
113	Hồ sơ thu hồi Giấy phép/ Giấy xác nhận/ Quyết định phát hành thuộc lĩnh vực thông tin điện tử (trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, trò chơi điện tử trên mạng)	10 năm
114	Hồ sơ cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ nhà báo cho các đối tượng công tác tại các Đài Phát thanh truyền hình	10 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
115	Hồ sơ cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh truyền hình trong nước	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
116	Hồ sơ cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh truyền hình trả tiền	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
117	Hồ sơ cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh truyền hình trả tiền	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
118	Hồ sơ cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh truyền hình trả tiền	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
119	Hồ sơ cấp mới, cấp sửa đổi, gia hạn, cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
120	Hồ sơ tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
121	Hồ sơ tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
122	Hồ sơ cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
123	Hồ sơ cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực
124	Hồ sơ cấp Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	05 năm kể từ khi doanh nghiệp thông báo dừng cung cấp dịch vụ
125	Hồ sơ cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	05 năm kể từ khi Giấy phép hết hiệu lực

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
126	Hồ sơ cấp Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng	05 năm kể từ khi Quyết định hết hiệu lực
127	Hồ sơ cấp Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam	05 năm kể từ khi tổ chức, cá nhân thông báo dừng cung cấp dịch vụ
128	Hồ sơ cấp Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới vào Việt Nam	05 năm kể từ khi tổ chức, cá nhân thông báo dừng cung cấp dịch vụ
129	Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tài khoản mạng xã hội/trang cộng đồng/kênh nội dung/nhóm cộng đồng của cơ quan báo chí	05 năm kể từ khi cơ quan báo chí thông báo dừng cung cấp dịch vụ
130	Hồ sơ về thành lập Hội đồng tư vấn trò chơi điện tử G1 trên mạng; thành lập Tổ giúp việc cho Hội đồng tư vấn trò chơi điện tử G1 trên mạng; Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng	05 năm sau khi văn bản hết hiệu lực hoặc có văn bản khác thay thế
131	Hồ sơ tài liệu khác trong lĩnh vực thông tin điện tử (trừ thủ tục hành chính, tài liệu liên quan đến xử lý vi phạm)	05 năm kể từ khi hồ sơ, tài liệu được chính thức ban hành
XIV. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực xuất bản, in và phát hành		
132	Hồ sơ cấp/cấp lại Giấy phép hoạt động in	Vĩnh viễn
133	Hồ sơ cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Vĩnh viễn
134	Hồ sơ cấp/cấp đổi Giấy phép thành lập nhà xuất bản	70 năm
135	Hồ sơ cấp/cấp lại/gia hạn/điều chỉnh, bổ sung thông tin Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	70 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
136	Hồ sơ cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập (trường hợp bị thu hồi/bị mất hoặc bị hỏng)	70 năm
137	Hồ sơ cấp/cấp lại Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	70 năm
138	Hồ sơ cấp/cấp lại Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	70 năm
139	Hồ sơ xác nhận/xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	70 năm
140	Hồ sơ đăng ký xuất bản và xác nhận đăng ký xuất bản	10 năm
141	Hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử và giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử.	10 năm
142	Hồ sơ đình chỉ phát hành, buộc sửa chữa, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành và tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm	10 năm
143	Hồ sơ đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử và giấy xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử	10 năm
144	Hồ sơ cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	10 năm
145	Hồ sơ khai báo nhập khẩu thiết bị in	10 năm
146	Hồ sơ cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	05 năm
147	Hồ sơ cấp Giấy phép tổ chức triển lãm/hội chợ xuất bản phẩm	05 năm
148	Hồ sơ cấp Giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh	05 năm
149	Hồ sơ quản lý lưu chiểu xuất bản phẩm	02 năm
XV. Nhóm hồ sơ, tài liệu lĩnh vực thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại		
150	Hồ sơ xây dựng quy định về cơ chế trao đổi, phối hợp, cung cấp, chia sẻ thông tin đối ngoại giữa các cơ quan nhà nước với các cơ quan báo chí	20 năm

STT	Tên nhóm hồ sơ, tài liệu	Thời hạn lưu trữ
151	Hồ sơ, tài liệu về công tác sản xuất các sản phẩm thông tin đối ngoại bao gồm các phim tài liệu, phóng sự ngắn phục vụ công tác tuyên truyền đối ngoại	20 năm
152	Hồ sơ cuộc thi, hội thi, liên hoan, triển lãm, giải thưởng thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại	20 năm
153	Hồ sơ về việc tổ chức các hoạt động Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại ở trong và ngoài nước	10 năm
154	Hồ sơ, tài liệu về công tác tổ chức đón và hướng dẫn hoạt động báo chí cho các đoàn phóng viên nước ngoài vào Việt Nam và hoạt động thực tế báo chí cho các đoàn phóng viên nước ngoài thường trú tại Việt Nam	10 năm
155	Hồ sơ điểm dư luận báo chí nước ngoài về Việt Nam và Nhận xét thông tin đối ngoại trên báo chí	05 năm sau khi giải mật

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn